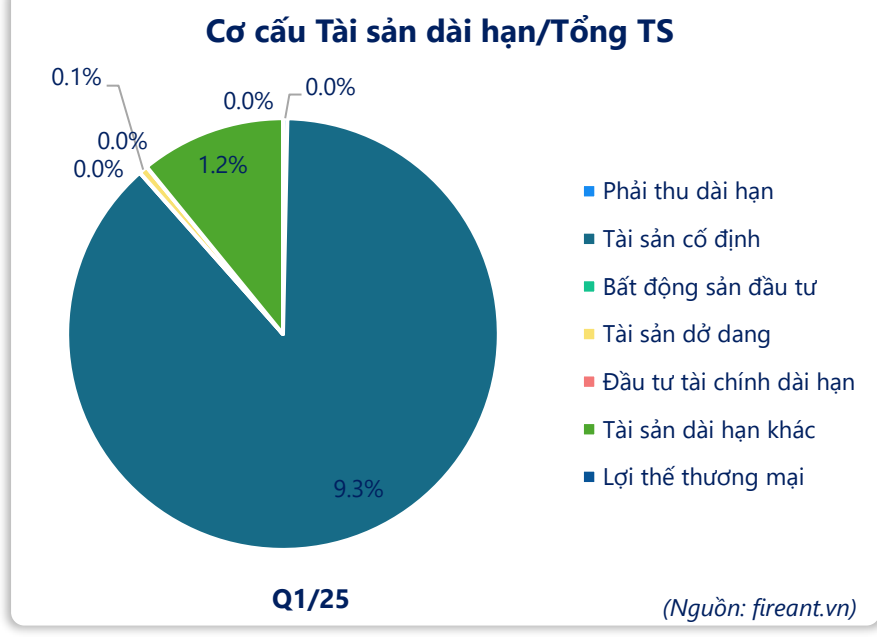
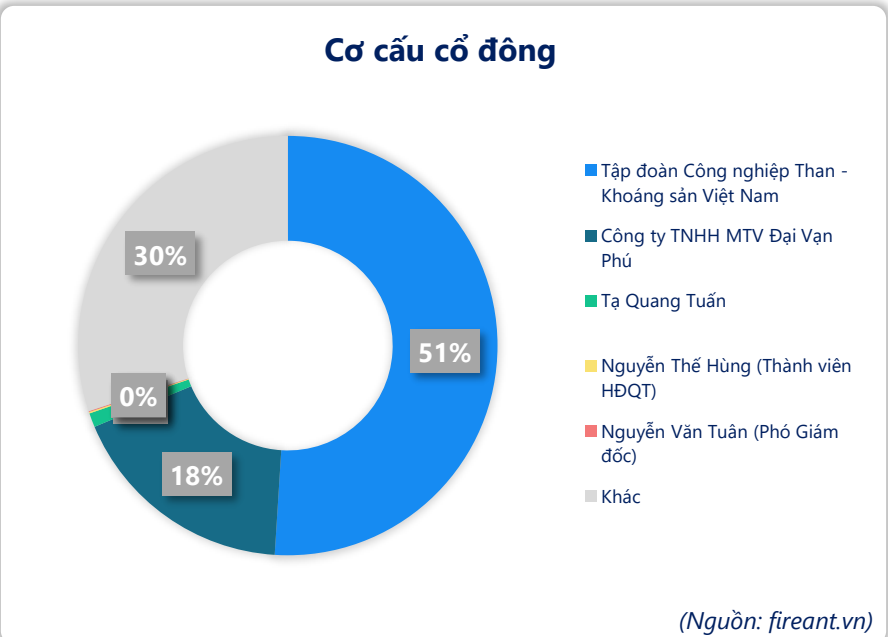
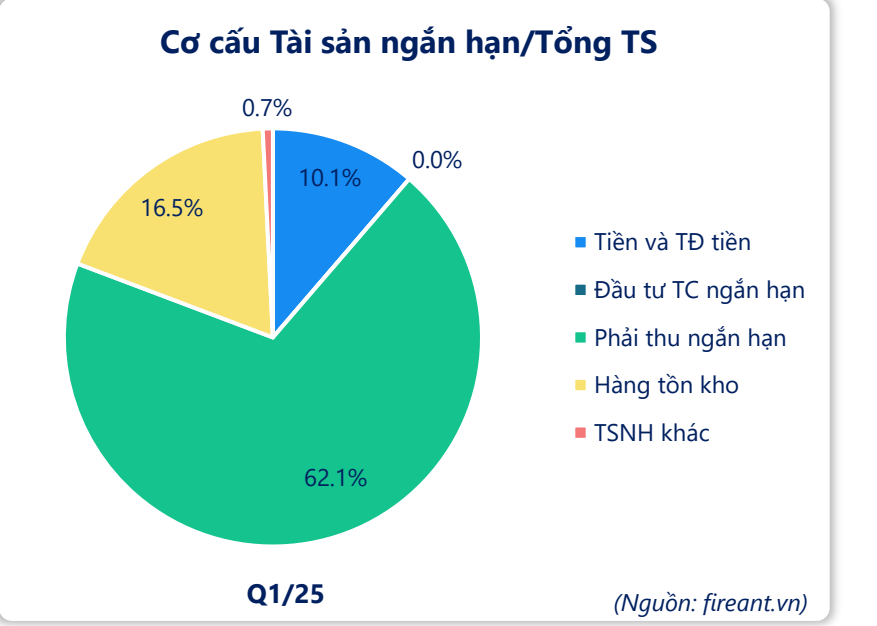
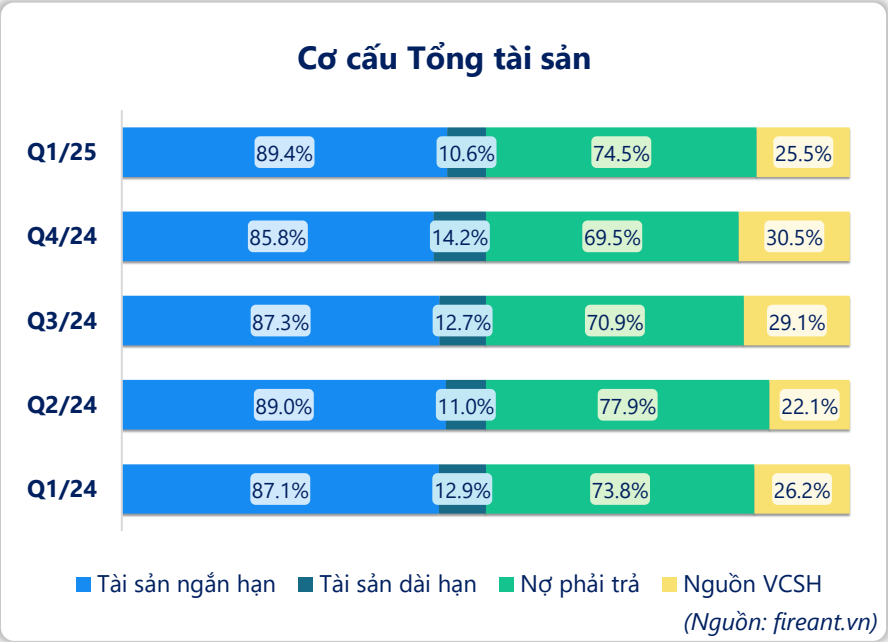
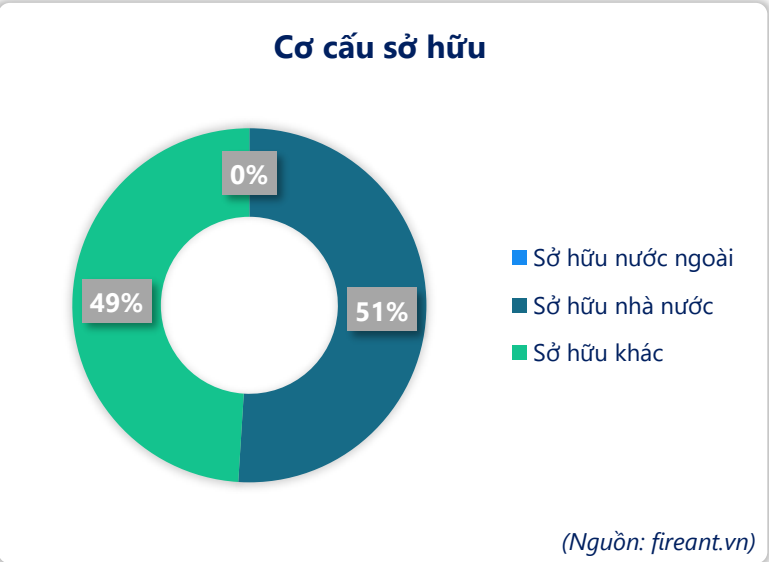
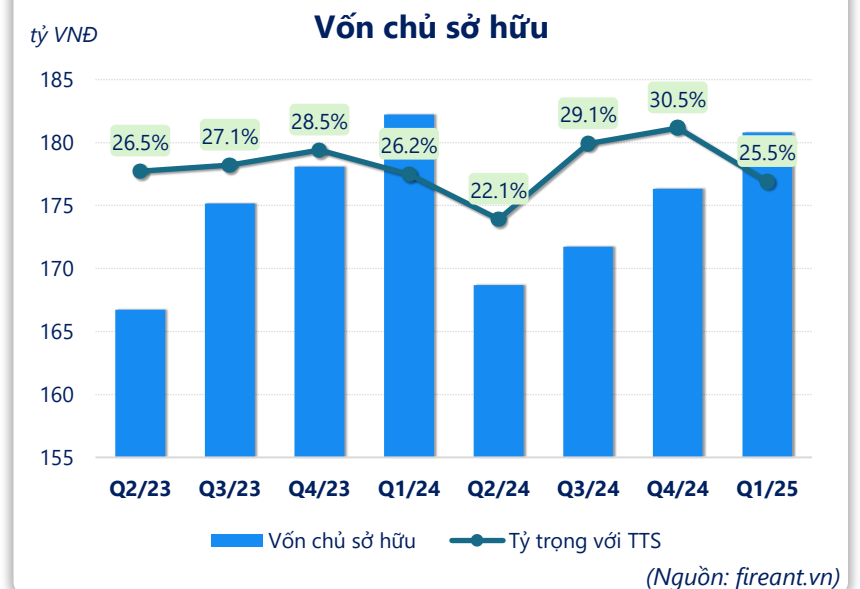
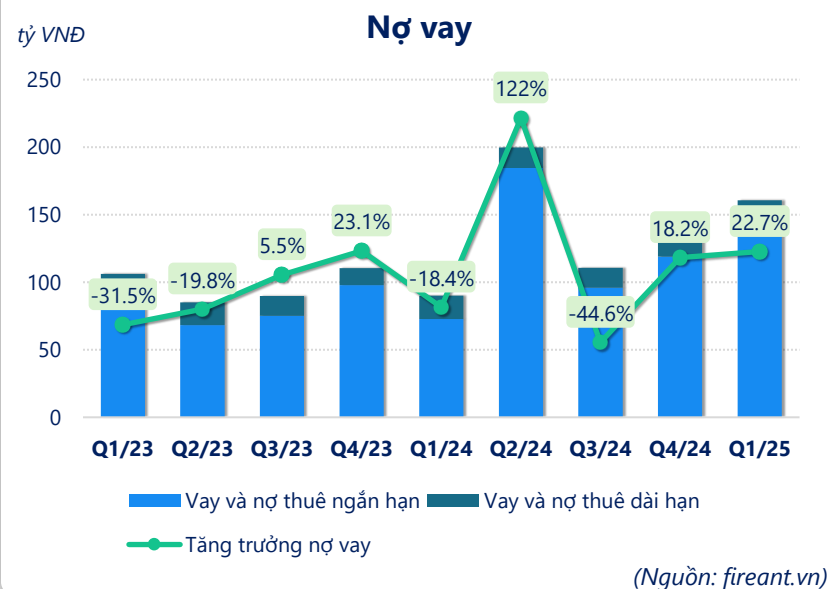
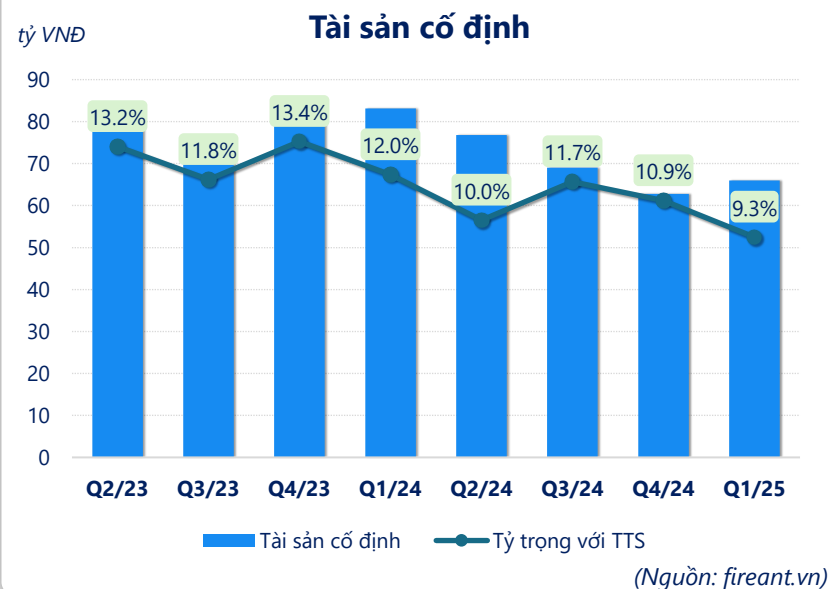
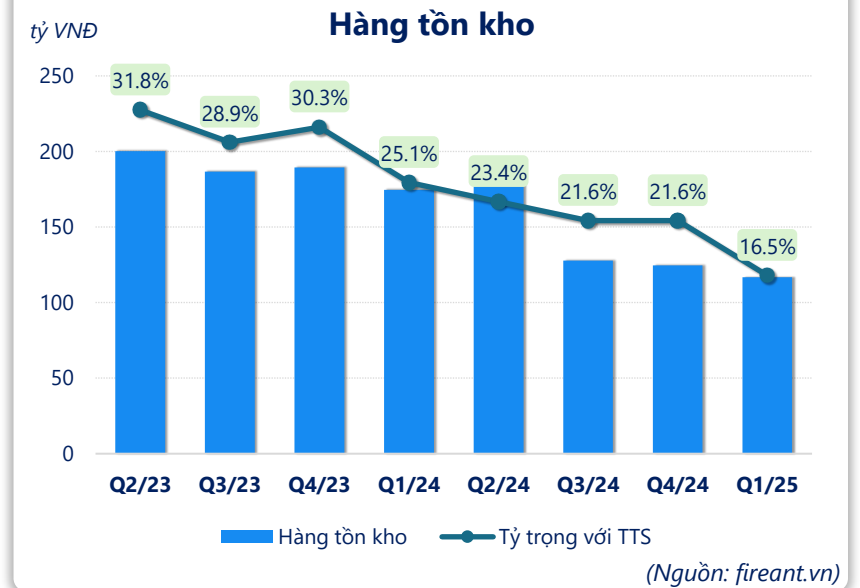
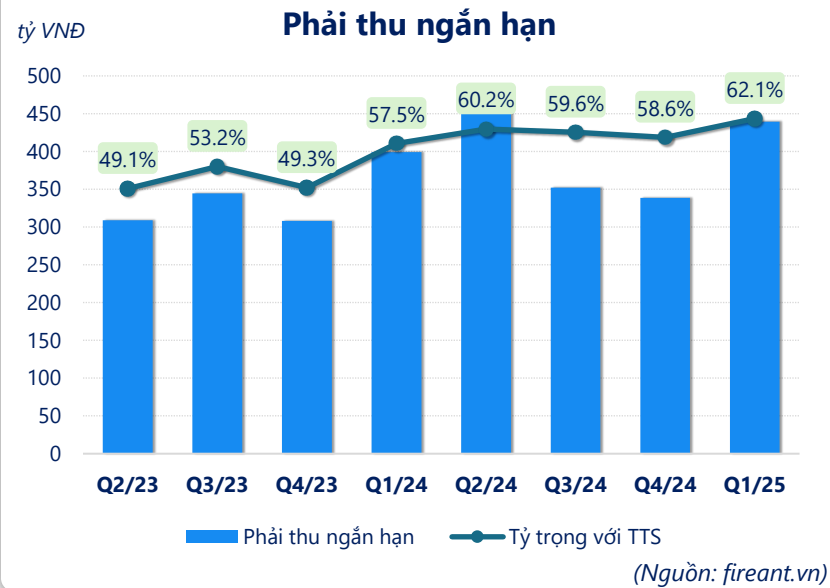
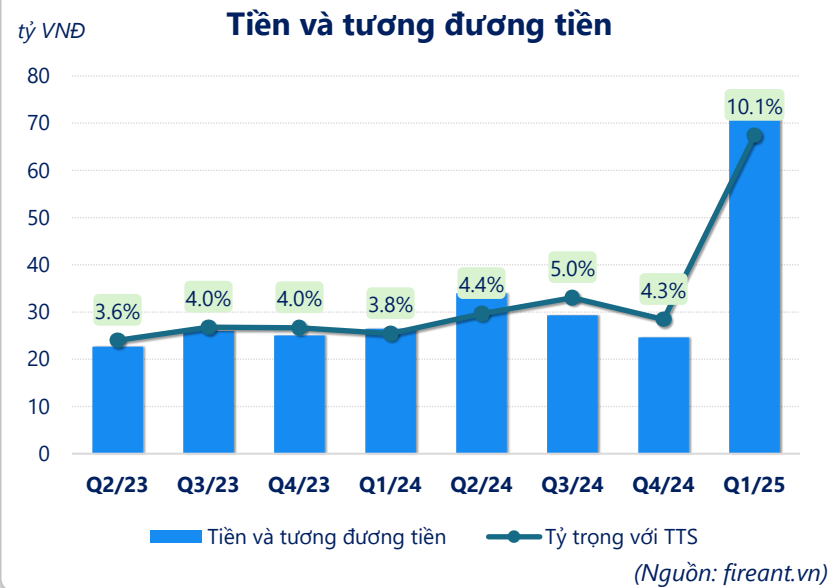
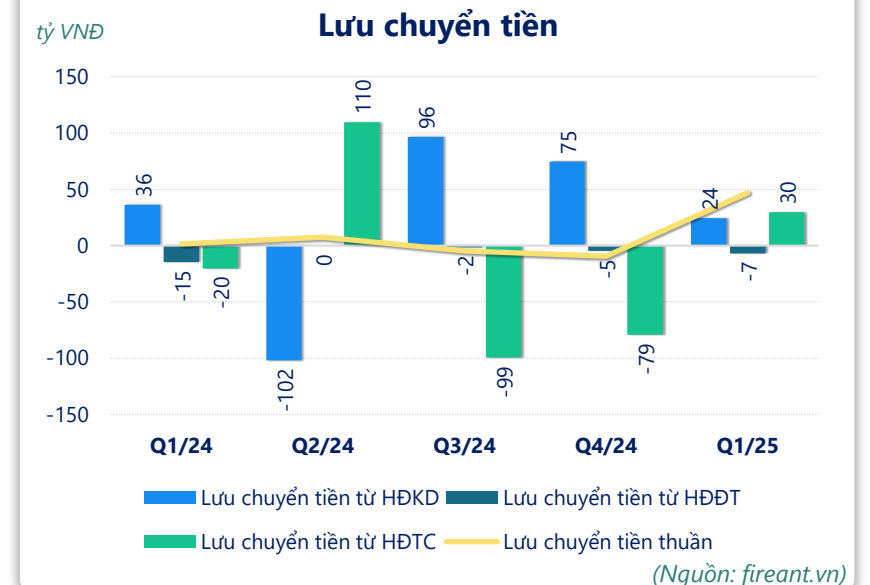
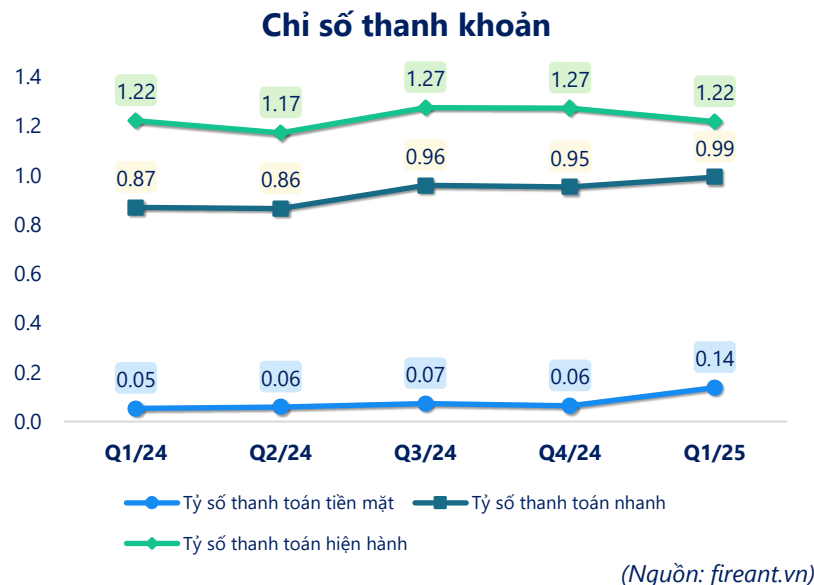
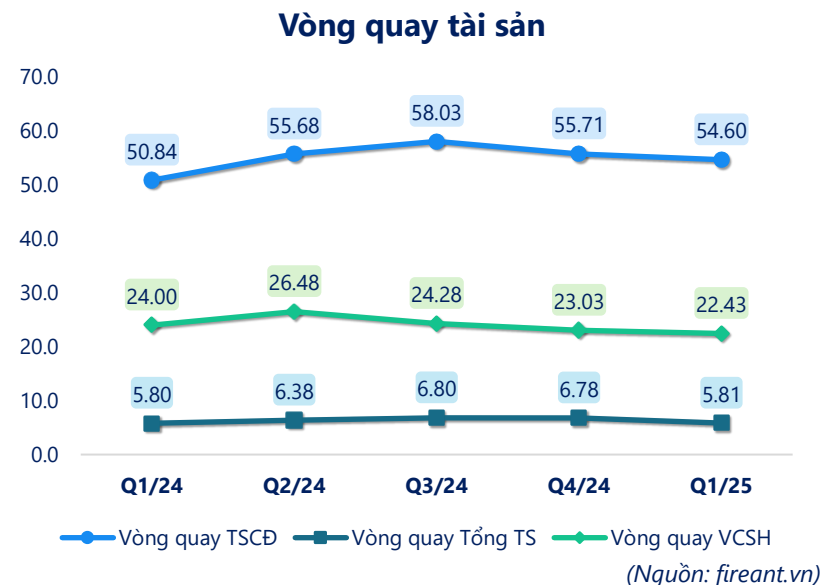
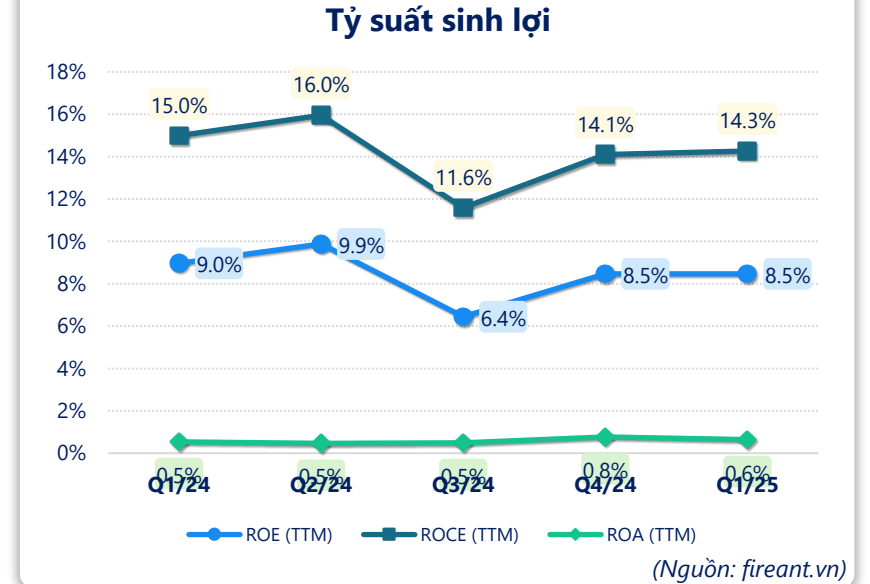
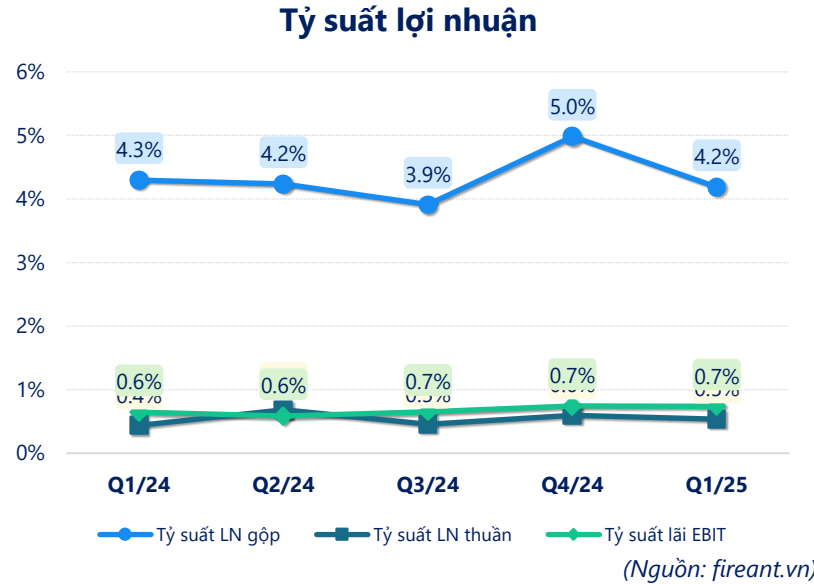
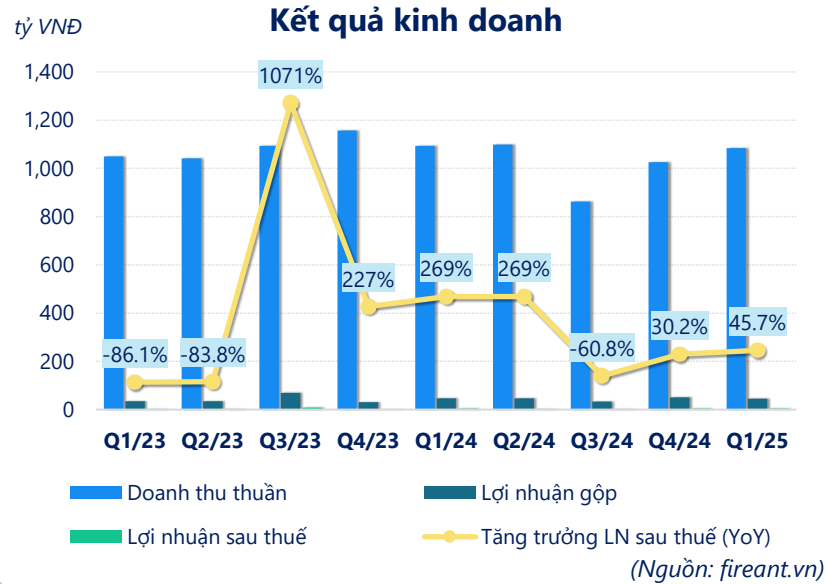


Thông tin giao dịch		31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		9,400
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		13,990
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		8,208
SL cổ phiếu LH		15,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		1,110
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		141
P/E		9.2
EPS		1,024

	YTD	1T	3T	6T
MTS	-1.1%	-3.1%	1.1%	8.0%
VNINDEX	2.9%	-0.4%	2.7%	1.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	708	578	22.5%
Tài sản ngắn hạn	633	495	27.7%
Tiền và tương đương tiền	71.5	24.6	191%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	439	339	29.7%
Hàng tồn kho	117	125	-6.3%
Tài sản ngắn hạn khác	4.95	7.38	-32.9%
Tài sản dài hạn	74.9	82.3	-9.0%
Phải thu dài hạn	0.25	0.18	40.0%
Tài sản cố định	66.0	62.8	5.1%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.50	9.29	-94.6%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	8.15	10.0	-18.7%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	527	401	31.2%
Nợ ngắn hạn	520	389	33.5%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	154	119	29.2%
Phải trả người bán ngắn hạn	321	219	46.8%
Nợ dài hạn	7.07	12.0	-41.3%
Vay và nợ thuê dài hạn	7.07	12.0	-41.3%
Nguồn vốn chủ sở hữu	181	176	2.5%
Vốn chủ sở hữu	181	176	2.5%
Vốn điều lệ	150	150	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Doanh thu thuần	1,093	1,099	863	1,026	1,084
Giá vốn hàng bán	1,046	1,052	829	975	1,039
Lợi nhuận gộp	47.0	46.5	33.8	51.1	45.4
Doanh thu HĐTC	0.02	0.02	0.02	0.02	0.02
Chi phí TC	1.96	1.64	1.79	1.87	2.41
Chi phí lãi vay	1.94	1.60	1.79	1.82	2.41
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	26.8	22.8	16.3	27.5	29.0
Chi phí QLDN	13.4	14.6	11.8	15.6	8.16
LN thuần từ HĐKD	4.78	7.51	3.91	6.11	5.79
Lợi nhuận khác	0.33	-2.69	-0.09	-0.30	-0.22
LN trước thuế	5.11	4.83	3.82	5.81	5.57
Lợi nhuận sau thuế	4.09	3.24	3.06	4.62	4.45
LNST của CĐ cty mẹ	4.09	3.24	3.06	4.62	4.45

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	36.4	-102	96.4	74.7	24.3
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-14.5	-0.10	-1.68	-4.78	-7.07
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-20.4	110	-99.5	-79.3	29.7
Tiền đầu kỳ	25.0	26.5	34.0	34.0	24.6
Lưu chuyển tiền thuần	1.45	7.54	-4.72	-9.39	46.9
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0.00
Tiền cuối kỳ	26.5	34.0	29.3	24.6	71.5

(Nguồn: fireant.vn)